

## DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 02/2026<sup>1</sup>

### ÁN LỆ SỐ .../2026/AL

#### Về việc xác định thời điểm bên cho vay thông báo đòi tiền vay trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tiền không kỳ hạn

*Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày ... tháng ... năm 2026 và được công bố theo Quyết định số .../QĐ-CA ngày ... tháng ... năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.*

#### **Nguồn án lệ:**

Bản án sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang về vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim P, ông Đặng Thành P1.

#### **Vị trí nội dung án lệ:**

Đoạn 13 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

#### **Khái quát nội dung của án lệ:**

##### **- *Tình huống án lệ:***

Hợp đồng vay tiền giữa các bên không xác định thời hạn. Bên cho vay khởi kiện bên vay yêu cầu trả nợ nhưng không chứng minh được đã báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý.

##### **- *Giải pháp pháp lý:***

Trường hợp này, Tòa án phải xác định thời điểm bên cho vay thông báo đòi tiền vay là thời điểm bên vay nhận được thông báo thụ lý vụ án.

#### **Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:**

Các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

#### **Từ khóa của án lệ:**

“*Hợp đồng vay tài sản*”; “*Hợp đồng vay không kỳ hạn*”; “*Thông báo đòi tiền vay*”; “*Thời điểm bên vay nhận được thông báo thụ lý vụ án*”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Qua quen biết ở cùng địa phương nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Văn H như sau:

<sup>1</sup> Dự thảo án lệ này do Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

Ngày 16/12/2023 vợ chồng ông P1, bà P có vay của ông H 30.000.000 đồng với thời hạn vay là 04 tháng đến ngày 16/04/2024, với lãi suất 1,5% (thỏa thuận miệng).

Ngày 04/01/2024 vợ chồng ông P1 và bà P tiếp tục vay của ông H thêm 20.000.000 đồng và nói đến ngày 16/04/2024 sẽ trả hết, với lãi suất 1,5% (thỏa thuận miệng).

Ngày 30/01/2024 vợ chồng ông P1 và bà P lại tiếp tục vay của ông H thêm 20.000.000 đồng và nói đến ngày 16/04/2024 sẽ trả hết, với lãi suất 1,5% (thỏa thuận miệng).

Tổng số tiền hai vợ chồng ông P1 và bà P vay của ông H là 70.000.000 đồng cho 03 lần vay (có làm giấy biên nhận nhưng do quên biết nên chỉ ông P1 ký tên). Vợ chồng ông P1 và bà P đã trả lãi đến tháng 3/2024.

Khi đến thời hạn trả nợ là ngày 16/04/2024 thì ông H có liên hệ vợ chồng ông P1 và bà P để đòi lại số tiền cho vay nhưng cả hai vợ chồng hứa hẹn, hứa hẹn rất nhiều lần cho đến nay vẫn không trả cho ông H số tiền vốn là 70.000.000 đồng.

Về thời gian không trả lãi từ ngày 16/04/2024 đến 16/12/2024 (thời điểm khởi kiện) là 09 tháng.

Tiền lãi do chậm trả:  $70.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} \times 1,5\% = 9.450.000 \text{ đồng}$

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 liên đới trả cho ông số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng. Yêu cầu ông P1 và bà P trả tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2024 đến tháng 12/2024 là 9.450.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi ông P1 và bà P phải trả là 79.450.000 đồng. Yêu cầu ông P1 và bà P trả số tiền trên làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*\* Theo Đơn trình bày ngày 03/3/2025 và Đơn trình bày ngày 10/3/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Bà có nhận được đơn khiếu kiện của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947, tại địa chỉ: ấp Thới Thạnh, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bà xin trình bày với Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với nội dung như sau: Nguyên nhân là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947 cho ông P1 vay số tiền là bao nhiêu, với lãi suất bao nhiêu thì bà hoàn toàn không hay biết, vì hai bên tự thỏa thuận lãi suất cho vay và số tiền vay, bà không có liên quan đến việc làm trên.

Nay bà viết đơn này gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Bà xin cam kết nội dung trên là đúng sự thật. Kính nhờ Quý Tòa xem xét.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho bị đơn ông Đặng Thành P1 nhưng ông P1 không có văn bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 vắng mặt không có lý do.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa tuân thủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Đặng Thành P1 trả số tiền vốn vay 70.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay ngày 16/12/2023 với mức lãi suất 10%/năm trong thời hạn từ ngày 17/4/2024 đến ngày xét xử, tính tròn 09 tháng theo yêu cầu của nguyên đơn, tiền lãi của số tiền vay ngày 04/01/2024 và ngày 30/01/2024 với mức lãi suất 10%/năm trong thời hạn từ ngày 25/12/2024 đến ngày xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[3] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 liên đới trả số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 79.450.000 đồng. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 cư trú tại ấp Thới Thạnh, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phí, ông Phước.

[6] *Về nội dung:*

[7] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 trả lại số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7] Theo Giấy mượn tiền do nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cung cấp (bút lục 50) thể hiện nội dung:

*“Tôi tên: Đặng Thành P1 hiện ngụ tại ấp Thới Thạnh, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, TG*

*Có mượn của Nguyễn Văn H vụ tại 124 ấp Thới Thạnh, xã Thới Sơn, TPMT số tiền 30.000.000, Ba mươi triệu chẵn, thời hạn trả vốn 4 tháng kể từ ngày 16/12/2023 đến ngày 16/4/2023...*

*Tôi có mượn thêm 20.000.000 vào ngày 04/01/2024. Tổng cộng là 50.000.000...*

*Tôi có mượn lần 3 số tiền 20 triệu ngày 30/01/2024”.*

[8] Sau mỗi lần vay tiền ông Đặng Thành P1 có ký tên và ghi rõ họ tên vào Giấy mượn tiền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông P1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh do ông P1 không phản đối, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Đặng Thành P1 và ông Nguyễn Văn H có xác lập giao dịch vay số tiền 70.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay ông P1 chưa thực hiện thanh toán tiền vay cho ông H, do đó ông H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Thành P1 trả lại ông số tiền vốn vay 70.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Theo Biên bản xác minh ngày 27/12/2024 thể hiện ông Đặng Thành P1 và bà Nguyễn Thị Kim P là vợ chồng. Tại Đơn trình bày ngày 03/3/2025 và ngày 10/3/2025 bà Nguyễn Thị Kim P trình bày bà không biết về việc vay tiền giữa ông H và ông P1, đồng thời nguyên đơn ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Nguyễn Thị Kim P biết về việc vay tiền và có sử dụng số tiền vay 70.000.000 đồng. Do đó, ông H yêu cầu bà P liên đới ông P1 trả lại cho ông H số tiền vay còn nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 trả 09 tháng tiền lãi là 9.450.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[11] Nội dung Giấy mượn tiền không thể hiện việc ông H và ông P1 có thỏa thuận về lãi suất vay, nguyên đơn ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận lãi suất vay tiền giữa hai bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Xét thấy, bị đơn ông Đặng Thành P1 vay tiền ba lần vào các ngày 16/12/2023 vay 30.000.000 đồng, ngày 04/01/2024 vay 20.000.000 đồng, ngày

30/01/2024 vay 20.000.000 đồng. Trong lần vay tiền ngày 16/12/2024 ông H và ông P1 thỏa thuận thời hạn vay tại Giấy mượn tiền “*thời hạn trả vốn 4 tháng kể từ ngày 16/12/2023*”. Tuy nhiên, đến nay ông P1 chưa thanh toán tiền cho ông H nên ông P1 phải chịu tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 17/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 04 ngày. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả 09 tháng tiền lãi, do đó tiền lãi chậm thanh toán của lần vay tiền ngày 16/12/2023 được tính như sau: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng = 2.241.000 đồng.

[13] Đối với lần vay tiền ngày 04/01/2024 và ngày 30/01/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận thời hạn vay, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thông báo cho bên vay là ông Phước biết trước một thời gian hợp lý về việc đòi lại tiền vay. Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định thời gian ông P1 được thông báo về việc thụ lý vụ án là thời gian ông H thông báo đòi lại tiền vay, do đó ông P1 phải chịu tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tính từ ngày 25/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, được tính như sau: (20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng) x 10%/năm x 02 tháng 24 ngày = 930.000 đồng.

[14] Tổng cộng tiền vốn, tiền lãi ông P1 phải thanh toán cho ông H là: 70.000.000 đồng + 2.241.000 đồng + 930.000 đồng = 73.171.000 đồng.

[15] Về án phí: Bị đơn ông Đặng Thành P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 3.659.000 đồng.

[16] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[17] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ theo phân tích nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

## **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1.1 Buộc ông Đặng Thành P1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền vay còn nợ là 73.171.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng*), gồm 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) tiền vốn và 3.171.000 đồng (*Ba triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới ông Đặng Thành P1 trả số tiền vay còn nợ.

2. Về án phí: Ông Đặng Thành P1 phải chịu 3.659.000 (*Ba triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thành P1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

## **NỘI DUNG ÁN LỆ**

*“[13] Đối với lần vay tiền ngày 04/01/2024 và ngày 30/01/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận thời hạn vay, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thông báo cho bên vay là ông Phước biết trước một thời gian hợp lý về việc đòi lại tiền vay. Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định thời gian ông P1 được thông báo về việc thụ lý vụ án là thời gian ông H thông báo đòi lại tiền vay, do đó ông P1 phải chịu tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tính*

*từ ngày 25/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, được tính như sau: (20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng) x 10%/năm x 02 tháng 24 ngày = 930.000 đồng.”*